

Số: /QĐ-BDD

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2022
cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện,
thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội: số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; số 2700/QĐ-NHCS ngày 08/4/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng các chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Công văn số 569 /NHCS-KHNV ngày 14/4/2022 về việc đề nghị giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng các chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng các chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ năm 2022 cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

(Có Phụ lục tổng hợp và các phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thanh Hóa phối hợp với Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố và các ngành chức năng có liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.

2. Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trình Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng các chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ năm 2022 theo nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này cho đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội và Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, KTTC (VA18683).

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu giao tăng trưởng kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương			
		Tổng số	Trong đó		
	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP		Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	
1	Hoàng Hoá	10.700	2.000	8.000	700
2	Hậu Lộc	7.200	2.000	5.000	200
3	Nga Sơn	7.500	2.000	3.500	2.000
4	Nghi Sơn	5.500	2.000	2.000	1.500
5	Quảng Xương	6.500	2.000	4.000	500
6	Thọ Xuân	8.800	2.000	5.700	1.100
7	Yên Định	6.200	2.000	4.000	200
8	Đông Sơn	4.200	2.000	2.000	200
9	Triệu Sơn	9.000	3.000	5.000	1.000
10	Nông Cống	8.300	4.000	3.500	800
11	Vĩnh Lộc	6.400	2.000	3.500	900
12	Hà Trung	4.500	2.000	2.000	500
13	Cẩm Thủy	7.200	2.000	2.000	3.200
14	Thạch Thành	13.400	2.000	4.800	6.600
15	Quan Hoá	2.750	1.000	1.000	750
16	Bá Thước	2.900	1.000	1.500	400
17	Lang Chánh	1.700	1.000	500	200
18	Ngọc Lặc	3.000	1.000	1.500	500
19	Thường Xuân	3.000	1.000	500	1.500
20	Như Thanh	3.700	1.500	1.500	700
21	Hội Sở tỉnh	42.700	2.500	40.000	200
22	Bỉm Sơn	5.800	3.000	2.500	300
23	Quan Sơn	2.450	1.000	1.000	450
24	Thiệu Hoá	8.000	2.000	5.000	1.000
25	Mường Lát	1.700	1.000	500	200
26	Như Xuân	4.500	1.000	1.500	2.000
27	Sầm Sơn	13.400	2.000	9.000	2.400
Tổng cộng		201.000	50.000	121.000	30.000

PHỤ LỤC SỐ 01
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HOÀNG HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	10.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ -CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	8.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	700

PHỤ LỤC SỐ 02
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HẬU LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	7.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	5.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	200

PHỤ LỤC SỐ 03
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NGA SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	7.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	3.500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	2.000

PHỤ LỤC SỐ 04
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH THỊ XÃ NGHI SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	5.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	2.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	1.500

PHỤ LỤC SỐ 05
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	6.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	4.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	500

PHỤ LỤC SỐ 06
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THỌ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	8.800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	5.700
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	1.100

PHỤ LỤC SỐ 07
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN YÊN ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	6.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	4.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	200

PHỤ LỤC SỐ 08
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN ĐÔNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	4.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	2.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	200

PHỤ LỤC SỐ 09
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	9.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	3.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	5.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	1.000

PHỤ LỤC SỐ 10
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NÔNG CÔNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	8.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	4.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	3.500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	800

PHỤ LỤC SỐ 11
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN VĨNH LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	6.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	3.500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	900

PHỤ LỤC SỐ 12
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HÀ TRUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	4.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	2.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	500

PHỤ LỤC SỐ 13
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN CẨM THỦY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	7.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	2.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	3.200

PHỤ LỤC SỐ 14
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THẠCH THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	13.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	4.800
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	6.600

PHỤ LỤC SỐ 15
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUAN HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.750
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	1.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	1.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	750

PHỤ LỤC SỐ 16
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN BÁ THƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.900
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	1.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	1.500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	400

PHỤ LỤC SỐ 17
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN LANG CHÁNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	1.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	200

PHỤ LỤC SỐ 18
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NGỌC LẶC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	3.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	1.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	1.500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	500

PHỤ LỤC SỐ 19
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THƯỜNG XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	3.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	1.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	1.500

PHỤ LỤC SỐ 20
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NHƯ THANH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	3.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	1.500
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	1.500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	700

PHỤ LỤC SỐ 21
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO HỘI SỞ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	42.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.500
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	40.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	200

PHỤ LỤC SỐ 22
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH THỊ XÃ BỈM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	5.800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	3.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	2.500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	300

PHỤ LỤC SỐ 23
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUAN SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.450
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	1.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	1.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	450

PHỤ LỤC SỐ 24
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THIỆU HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	8.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	5.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	1.000

PHỤ LỤC SỐ 25
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN MƯỜNG LÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	1.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	200

PHỤ LỤC SỐ 26
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NHƯ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	4.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	1.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	1.500
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	2.000

PHỤ LỤC SỐ 27
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY
ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2022
CHO PHÒNG GIAO DỊCH THÀNH PHỐ SẦM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	13.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Nghị định 74/2019/NĐ-CP	2.000
2	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	9.000
3	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022	2.400